

Số:10 /QĐ-THPTTĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách
quý 1 năm 2025 của Trường THPT Thủ Đức

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

Xét đề nghị của Kế toán Trường THPT Thủ Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2025 của Trường THPT Thủ Đức (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị, kế toán trưởng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Ngọc Khái

TP.HCM, ngày 09 tháng 04 năm 2025

**BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

Báo cáo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2025

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống Giáo dục Quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Hôm nay, vào lúc 8h30 ngày 09 tháng 04 năm 2025 tại Trường THPT Thủ Đức

*** Thành phần tham dự**

- | | |
|-----------------------------|---------------------------------|
| 1/ Ông: Lê Ngọc Khái | - Hiệu trưởng |
| 2/ Ông: Đỗ Vũ Ngọc Trung | - Phó Hiệu trưởng |
| 3/ Ông: Võ Thanh Toàn | - Phó Hiệu trưởng |
| 4/ Ông: Trần Đồng Lộc | - Thư ký HĐ |
| 5/ Ông: Phạm Trần Trọng Trí | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 6/ Bà: Phạm Thị Thủy | - Chủ tịch công Đoàn |
| 7/ Bà: Bùi Thị Hằng | - Kế toán |

*** Nội dung biên bản**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi như sau:

- Nội dung niêm yết công khai: Công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025 theo biểu số 03 (Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính) đính kèm.

- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở, website Trường THPT Thủ Đức

- Địa điểm niêm yết: Tại bảng tin văn phòng Trường THPT Thủ Đức

- Thời gian niêm yết: Kể từ 9h00 ngày 09 tháng 4 năm 2025 đến 9h00 ngày 09 tháng 05 năm 2025.

- Biên bản được lập và hồi 9h00 ngày 09 tháng 4 năm 2025, được lập thành 02 bản: 01 bản lưu hồ sơ nhà trường, 01 bản lưu hồ sơ kế toán.

TRƯỞNG BAN TTND



Phạm Trần Trọng Trí

HIỆU TRƯỞNG



Lê Ngọc Khái

TP.HCM, ngày 09 tháng 4 Năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

ĐV tính: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	48.080.566	5.334.879		
I	Nguồn ngân sách trong nước	48.080.566	5.334.879		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

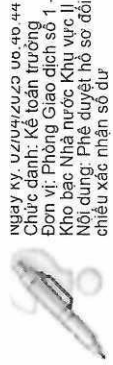
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	48.080.566	5.334.879		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23.958.323	4.688.452	20%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	24.122.243	646.427	3%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

TP.HCM Ngày 09 tháng 4 năm 2025



Thủ trưởng đơn vị

Lê Ngọc Khái



Ngày ký: 02/04/2025 09:40:44
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 1 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực II
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Thủ Đức

Mã ĐVQHNS: 1014981

Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1/Năm 2025

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành ngân sách	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	0	2.920.243.000	2.920.243.000	2.920.243.000	2.920.243.000	646.427.293	646.427.293	0	0	0	2.273.815.707
13	074	00000	0	16.220.323.000	17.911.951.322	17.911.951.322	17.911.951.322	4.688.451.576	4.688.451.576	0	0	0	13.223.499.746
14	074	00000	3.272.593.536	27.566.000.000	25.874.371.678	25.874.371.678	29.146.965.214	0	0	0	0	0	29.146.965.214
18	074	00000	0	1.374.000.000	1.374.000.000	1.374.000.000	1.374.000.000	0	0	0	0	0	1.374.000.000
		Cộng:	3.272.593.536	48.080.566.000	48.080.566.000	48.080.566.000	51.353.159.536	5.334.878.869	5.334.878.869	0	0	0	46.018.280.667
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Ngọc Hoa

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

U L L U L L

Người ký: Cao Sơn Dũng
Ngày ký: 02/04/2025 08:56:44
Đơn vị: Phòng Giáo dục và Đào tạo - Khoa Học Nhà nước Khu vực II

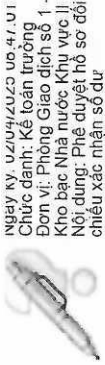
Cao Sơn Dũng

Người ký: Bùi Thị Hằng
Ngày ký: 01/04/2025 10:49:22
Đơn vị: Trường THPT Thị Dân

Bùi Thị Hằng

Người ký: Lê Ngọc Khải
Ngày ký: 01/04/2025 10:53:29
Đơn vị: Trường THPT Thị Dân

Lê Ngọc Khải



Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Thủ Đức

Mã ĐVQHNS: 1014981

Mã cấp NS: 2

Ngày ký: 02/04/2025 05:47:01
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 1 -
Khu vực: Khu vực I
Nơi dùng: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	524.133.905	524.133.905	524.133.905	524.133.905
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	91.723.434	91.723.434	91.723.434	91.723.434
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	15.724.017	15.724.017	15.724.017	15.724.017
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	6.983.929	6.983.929	6.983.929	6.983.929
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	5.241.339	5.241.339	5.241.339	5.241.339
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	2.620.669	2.620.669	2.620.669	2.620.669
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	2.964.364.650	2.964.364.650	2.964.364.650	2.964.364.650
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	38.259.000	38.259.000	38.259.000	38.259.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	886.334.318	886.334.318	886.334.318	886.334.318
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	2.106.000	2.106.000	2.106.000	2.106.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	65.374.449	65.374.449	65.374.449	65.374.449
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	521.559.675	521.559.675	521.559.675	521.559.675
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	92.039.943	92.039.943	92.039.943	92.039.943
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	40.895.254	40.895.254	40.895.254	40.895.254
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	30.679.980	30.679.980	30.679.980	30.679.980
Các khoản đóng góp khác	13	074	6349	00000	0	0	15.339.990	15.339.990	15.339.990	15.339.990

Trên nước	13	074	6502	00000		0		0	9.323.964	9.323.964	9.323.964	9.323.964
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại; fax	13	074	6601	00000		0		0	68.153	68.153	68.153	68.153
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng	13	074	6605	00000		0		0	271.150	271.150	271.150	271.150
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000		0		0	21.835.050	21.835.050	21.835.050	21.835.050
Cộng:						0		0	5.334.878.869	5.334.878.869	5.334.878.869	5.334.878.869
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Ngọc Hoa

Người ký: Cao Sơn Đăng
Nơi ký: Phòng Kế toán
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch 1 - Kho bạc Nhà nước Khu vực II

Cao Sơn Đăng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Bùi Thị Hằng
Nơi ký: Phòng Kế toán
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường THPT Thủ Đức

Người ký: Lê Ngọc Khải
Nơi ký: Phòng Kế toán
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường THPT Thủ Đức

Bùi Thị Hằng

Lê Ngọc Khải